

QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD

Tháng 01, 2024

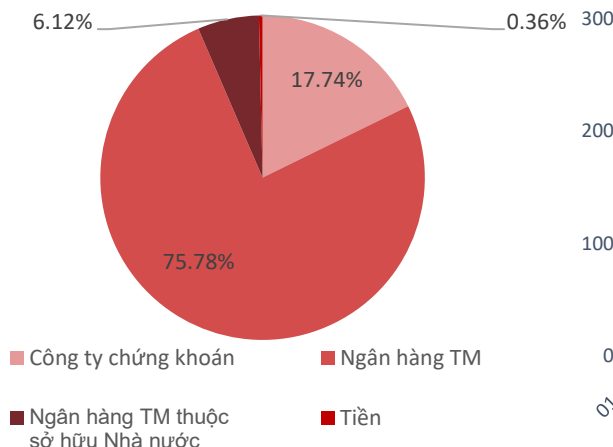
THÔNG TIN QUỸ TẠI NGÀY 31/01/2024

TÊN QUỸ	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD
MÃ QUỸ	FUESSVFL
LOẠI HÌNH	Quỹ hoán đổi danh mục
CHỈ SỐ THAM CHIẾU	VNFIN LEAD Index
NGÀY KẾT THÚC ĐĂNG KÝ GÓP VỐN	10/01/2020
SÀN NIÊM YẾT	Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX)
QUY MÔ QUỸ	2,131 Tỷ VND (~87.37 triệu USD) (tại ngày 31/01/2024)
ĐẠI LÝ CHUYỂN NHƯỢNG	Tổng Công Ty Lưu Ký và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam (VSDC)
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)
GIÁ DỊCH VỤ QUẢN LÝ	0.65%
TỔNG SỐ LƯỢNG CCQ LƯU HÀNH	109,400,000
THÀNH VIÊN LẬP QUỸ	SSI, MAS, BSC, VIETCAP, KIS, BVSC, HSC
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ	Vietcombank – Hội sở

CHỈ SỐ CƠ BẢN CỦA QUỸ

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	21
HỆ SỐ P/E	8.61x
HỆ SỐ P/B	1.29x

CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH



MÔ TẢ VỀ QUỸ

Quỹ SSIAM VNFIN LEAD ETF hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của Chỉ số VNFIN LEAD trong tất cả các giai đoạn.

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động và đầu tư vào các cổ phiếu cấu thành chỉ số VNFIN LEAD. Quỹ không hướng tới đạt hiệu quả vượt trội so với Chỉ số VNFIN LEAD hoặc đưa ra các biện pháp phòng thủ khi TTCK Việt Nam giảm điểm.

Với việc đầu tư thụ động, Quỹ có thể duy trì tỷ lệ vòng quay danh mục thấp hơn các quỹ có chiến lược đầu tư chủ động, từ đó giảm chi phí hoạt động cho Quỹ.

CHỈ SỐ THAM CHIẾU – VNFIN LEAD INDEX

Chỉ số VNFIN LEAD là chỉ số bao gồm tối thiểu 10 cổ phiếu, được lựa chọn từ các cổ phiếu thành phần thuộc chỉ số ngành tài chính. VNAIIShare Financials index (viết tắt VNFIN) đạt tiêu chí lựa chọn với giới hạn tỷ trọng 15% đối với cổ phiếu đơn lẻ, có giá trị giao dịch tối thiểu 10 tỷ đồng và tỷ suất quay vòng tối thiểu 0,1%.

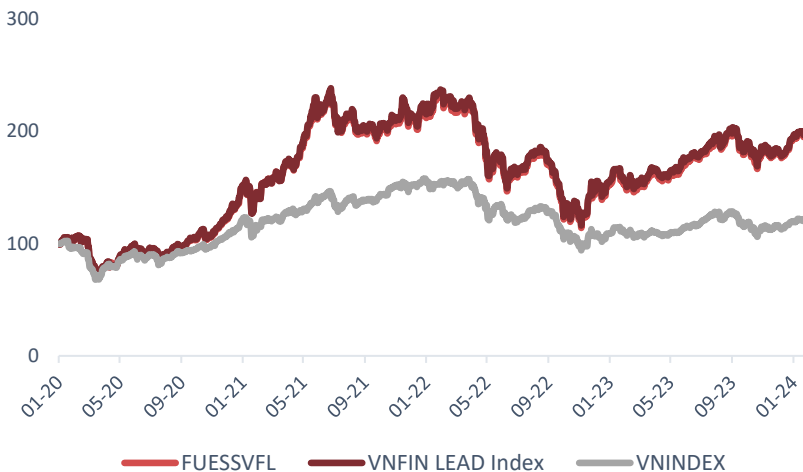
Chỉ số VNFIN LEAD đại diện cho trên 30% vốn hóa của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Chỉ số được xem xét điều chỉnh theo khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng định kỳ 3 tháng/lần và các cổ phiếu thành phần 6 tháng/lần.

HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ

	NAV/CCQ (đồng)	Tăng trưởng (%)			
		1 tháng	3 tháng	Từ đầu năm	Từ ngày kết thúc đăng ký góp vốn (10/01/2020)
FUESSVFL	19,487.41	6.26%	17.07%	6.26%	94.87%
VNFIN LEAD Index	1,930.54	6.28%	16.49%	6.28%	96.67%

Dữ liệu hoạt động đề cập ở đây thể hiện hiệu quả hoạt động trong quá khứ, không đảm bảo kết quả trong tương lai. Giá trị lợi nhuận và số tiền gốc của khoản đầu tư sẽ thay đổi, theo đó giá trị chứng khoán của nhà đầu tư khi bán có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị vốn ban đầu.

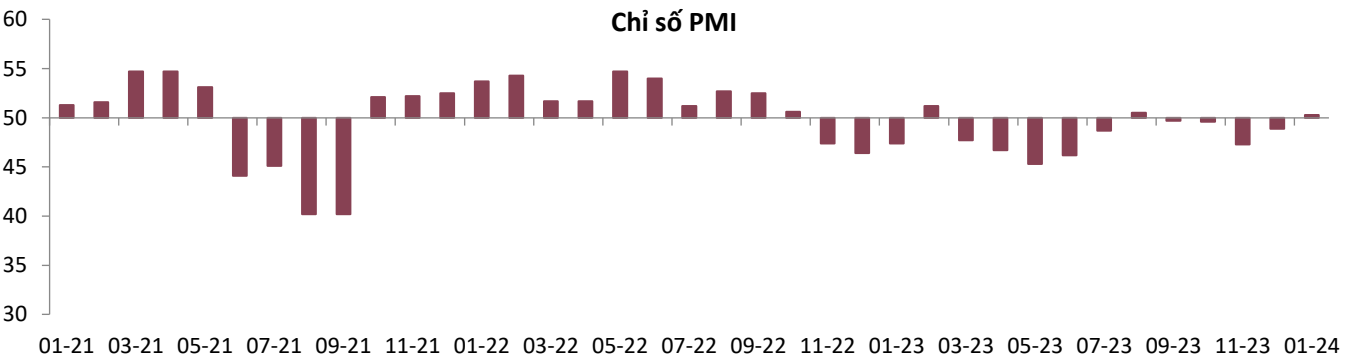


CẬP NHẬT VĨ MÔ – THÁNG 01/2024

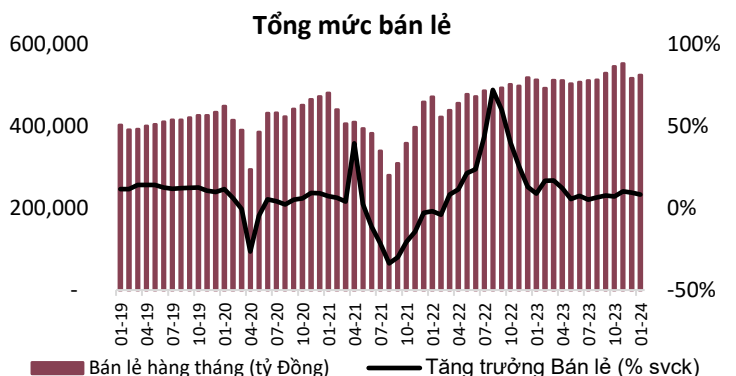
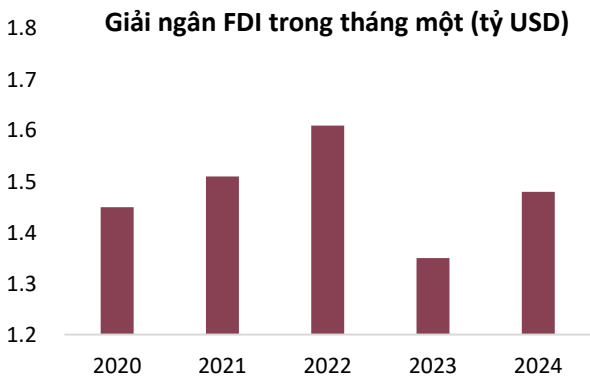
Sản xuất công nghiệp duy trì tăng trưởng trong tháng một

Tăng trưởng kinh tế Việt Nam tiếp tục được củng cố trong tháng 1 với sự hồi phục của ngành sản xuất công nghiệp và dòng vốn FDI bền vững. Nền kinh tế duy trì sự ổn định với lạm phát thấp và tiền Đồng tương đối ổn định, nhiều khả năng tạo điều kiện cho Ngân hàng Nhà nước (NHNN) giảm lãi suất hỗ trợ nền kinh tế.

Sự hồi phục của ngành sản xuất công nghiệp được củng cố trong tháng 1 khi chỉ số PMI tăng trưởng trở lại cùng với đà tăng của chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP). Cụ thể, chỉ số PMI tăng vượt mức 50 và kết thúc tháng 1 ở mức 50,3 điểm, tăng so với mức 48,9 trong tháng 12. Sản lượng tăng trở lại lần đầu tiên kể từ tháng tám 2023, và số lượng đơn hàng mới cũng đã cải thiện nhờ vào nhu cầu tăng lên từ thị trường trong nước và xuất khẩu. Chỉ số PMI của khu vực ASEAN cũng cho thấy đà hồi phục của sản xuất công nghiệp đối với các nước trong khu vực. Chúng tôi kỳ vọng sản xuất công nghiệp trong nước tiếp tục duy trì đà tăng bền vững nhờ (i) sự cải thiện nhu cầu trong nước và thị trường xuất khẩu, và (ii) vốn FDI bền vững. Tuy nhiên, các căng thẳng địa chính trị đã bắt đầu tác động lên chi phí đầu vào của các nhà sản xuất khi chi phí vận tải tăng. Mặc dù vậy, các nhà sản xuất công nghiệp vẫn có thể cắt giảm giá bán để kích cầu.



Đầu tư công và vốn FDI tiếp tục là những động lực tăng trưởng cho nền kinh tế, trong khi nhu cầu tiêu dùng tăng dần trước Tết. Đầu tư công ghi nhận mức tăng trưởng hai chữ số 12,5% svck, so với chỉ 5,6% cùng kỳ năm ngoái. Giải ngân FDI tăng trưởng 9,6% lên mức 1,5 tỷ USD và vốn đăng ký FDI tăng vượt kỳ vọng 40,2% svck lên 2,4 tỷ USD, nhờ 1,3 tỷ USD đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh bất động sản. Tổng mức bán lẻ tăng 8,1% svck và 5,8% sau khi điều chỉnh lạm phát, dẫn dắt bởi lĩnh vực du lịch (+18,5% svck) và dịch vụ lưu trú, ăn uống (+10,2% svck).

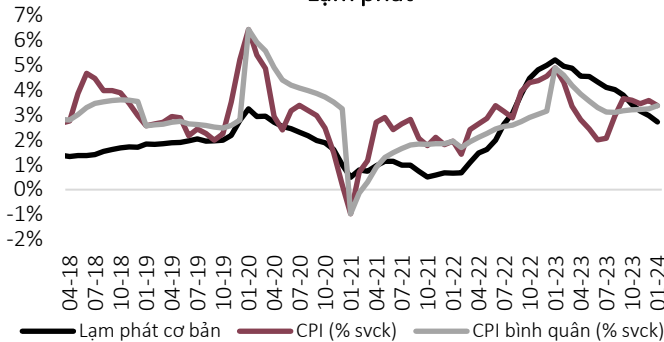


Lạm phát tiếp tục duy trì dưới mục tiêu của Chính phủ trong tháng một. Lạm phát tăng 0,31% so với tháng trước và 3,37% svck trong tháng một, chủ yếu do điều chỉnh tăng giá dịch vụ y tế và giá điện. Chỉ số giá dịch vụ y tế tăng 1,02% so với tháng trước khi một số địa phương điều chỉnh tăng giá khám chữa bệnh. Trong khi đó, chỉ số giá nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,56% so với tháng trước do điều chỉnh tăng giá điện từ tháng mười hai. Lạm phát cơ bản tiếp tục đi xuống và ghi nhận mức tăng 2,72% svck, thấp hơn so với mức 2,98% trong tháng mười hai. Với việc lạm phát tiếp tục nằm trong kiểm soát của Chính phủ và thanh khoản ngân hàng ở mức cao, chúng tôi kỳ vọng NHNN sẽ có đủ điều kiện để có thể giảm lãi suất nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

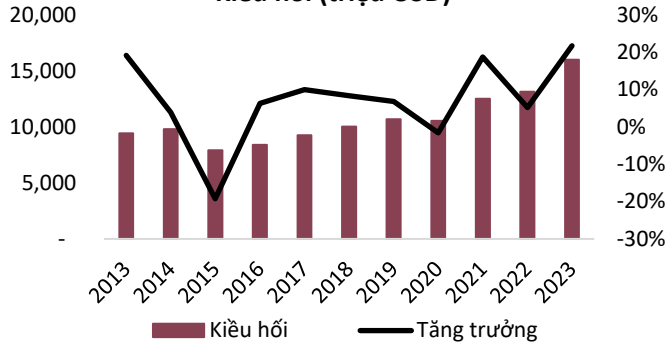
CẬP NHẬT VĨ MÔ – THÁNG 01/2024

Tiền Đồng đã giảm so với Đô la Mỹ trong tháng một chủ yếu do yếu tố mùa vụ và áp lực từ bên ngoài. Tiền Đồng đã giảm xấp xỉ 0,7% so với Đô la Mỹ trên thị trường chính thức và 1,0% trên thị trường phi chính thức. Sự suy yếu trong ngắn hạn của tiền Đồng có thể đến từ (i) nhu cầu ngoại tệ thường tăng cao đầu năm, (ii) Đô la Mỹ tăng giá trở lại, và (iii) thanh khoản đang dồi dào ở các ngân hàng. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn duy trì quan điểm tích cực đối với tiền Đồng trong năm nay dựa trên nền tảng cơ bản vững chắc của nền kinh tế, bao gồm thặng dư thương mại, vốn FDI, và nguồn kiều hối. Cụ thể, cán cân thương mại ước tính thặng dư 2,9 tỷ USD trong tháng một nhờ xuất khẩu tiếp tục tăng và đạt mức 33,6 tỷ USD (+6,7% so với tháng trước). Nguồn kiều hối cũng đạt mức cao kỷ lục 16 tỷ USD trong năm 2023.

Lạm phát



Kiều hối (triệu USD)



Chỉ số VN-Index duy trì đà tăng trong tháng một và ghi nhận mức tăng 3,0%, chủ yếu dẫn dắt bởi nhóm cổ phiếu Ngân hàng. Nhà đầu tư nước ngoài quay trở lại thị trường và lần đầu tiên mua ròng kể từ tháng ba năm ngoái với tổng giá trị mua ròng ước tính 53 triệu USD. Khối ngoại chủ yếu mua vào các cổ phiếu ngân hàng, như VCB (37 triệu USD), STB (31 triệu USD), và VPB (27 triệu USD). Ngược lại, các quỹ ETF tiếp tục bị rút vốn trong tháng một, tương đương 46 triệu USD. Nhìn chung, đà tăng vừa qua của các cổ phiếu ngân hàng có thể đến từ (i) định giá tương đối hấp dẫn, và (ii) sự cải thiện các yếu tố cơ bản của ngân hàng.

Định giá thị trường tiếp tục duy trì ở mức hợp lý và tương đối hấp dẫn, ở mức P/E 12 tháng là 14,9 lần khi cân nhắc triển vọng tăng trưởng lợi nhuận năm 2024 ở mức 15 – 18% svck, và kỳ vọng nâng hạng thị trường. Nhìn chung, thị trường có thể tập trung vào kế hoạch doanh thu và lợi nhuận trong năm 2024 của các công ty niêm yết trong những phiên giao dịch tới. Chúng tôi duy trì quan điểm tích cực với nhóm ngành ngân hàng dựa trên (i) tăng trưởng tín dụng cao hơn trong năm 2024, (ii) sự cải thiện NIM, và (iii) kiểm soát tốt nợ xấu.

TÍNH ĐẾN 31/01/2024	1 THÁNG	3 THÁNG	1 NĂM	TỶ TRỌNG VN-INDEX	P/E TTM	P/B	ROE	BETA
Dịch vụ truyền thông	-4.1%	-5.6%	-4.1%	0.1%	24.2	1.1	3.3	1.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4.9%	18.8%	4.9%	3.3%	33.2	2.4	5.9	1.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	-3.2%	5.2%	-3.2%	8.8%	22.2	2.7	11.9	0.8
Năng lượng	-1.0%	10.9%	-1.0%	1.6%	15.4	1.4	9.5	1.1
Tài chính	8.2%	15.0%	8.2%	44.6%	9.8	1.6	17.7	1.1
Chăm sóc sức khỏe	0.4%	2.7%	0.4%	0.7%	14.0	2.0	15.5	0.6
Công nghiệp	-0.3%	18.1%	-0.3%	8.4%	18.6	1.8	7.9	1.1
Công nghệ thông tin	-0.6%	16.3%	-0.6%	3.0%	19.3	4.4	24.4	0.9
Nguyên vật liệu	1.0%	21.6%	1.0%	8.5%	21.1	1.5	6.6	1.4
Bất động sản	-2.4%	9.7%	-2.4%	14.7%	13.5	1.3	9.6	1.0
Tiện ích	0.4%	2.5%	0.4%	6.4%	15.1	2.0	13.2	0.8
VN-Index	3.0%	13.2%	3.0%	100%	14.9	1.7	12.3	1.0
VN30	3.1%	12.2%	3.1%		11.7	1.5	14.0	

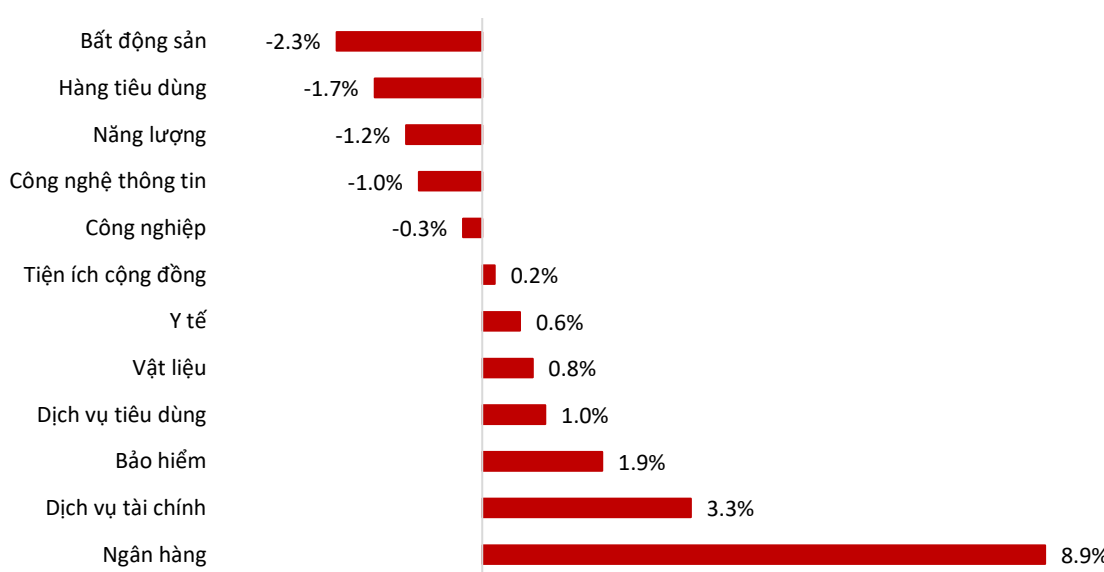
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ

Kết thúc tháng 1, chỉ số VN-Index tăng +3,0% so với thời điểm cuối tháng 12 năm 2023, đóng cửa tháng tại 1.129,9 điểm (+3,0% YTD), duy trì đà tăng sau tháng 11/2023 tăng 6,4% và tháng 12/2023 tăng 3,3% nhờ sự đóng góp của một số yếu tố chính:

- Tăng trưởng tín dụng được đẩy mạnh trong những ngày cuối năm 2023 (kết thúc năm tăng 13,7% so với thời điểm cuối tháng 11/2023 chỉ tăng 9,2%) và mục tiêu tăng trưởng tín dụng 15% trong năm 2024 của toàn hệ thống được giao ngay từ đầu năm
- Quốc hội chính thức thông qua Luật đất đai sửa đổi và Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi vào ngày 18/1/2024
- Thị trường chứng khoán Mỹ vẫn duy trì đà tăng và vượt đỉnh trong tháng 1/2024
- Khối nhà đầu tư nước ngoài quay trở lại mua ròng lần đầu tiên kể từ tháng 3/2023

Ngân hàng là nhóm ngành nổi bật trong tháng 1 với mức tăng +8,9% và nổi dài chuỗi 3 tháng tăng điểm liên tiếp chủ yếu nhờ MBB (+16,6%), CTG (+16,6%), VCB (+10,2%) và BID (+9,9%). Bên cạnh đó, nhóm ngành Dịch vụ Tài chính cũng ghi nhận mức tăng 3,3%, dẫn dắt bởi MBS (+13,2%), HCM (+11,5%), BSI (+10,7%) và FTS (+7,3%).

Biến động giá theo nhóm ngành trong tháng 1/2024



Nhờ đó, chỉ số VNFIN LEAD trong tháng đầu tiên của năm 2024 tăng trưởng 6,28% và quỹ ETF FUESSVFL của chúng tôi vẫn bám sát với chỉ số tham chiếu khi ghi nhận mức tăng 6,26%. So với thị trường chung mà đại diện là chỉ số VN-Index thì quỹ ETF FUESSVFL đang cho thấy hiệu quả vượt trội khi mà dòng tiền dần dịch chuyển sang nhóm ngành tài chính – ngân hàng.

Chúng tôi cho rằng ngành Ngân hàng nói chung và Quỹ FUESSVFL nói riêng sẽ tiếp tục tăng trưởng tích cực trong năm 2024 nhờ các yếu tố, bao gồm:

- Định giá đang ở vùng rất hấp dẫn (*Chỉ số P/B toàn ngành hiện đang thấp hơn khoảng 15% so với mức trung bình 5 năm*) cùng với tốc độ tăng trưởng cao của lợi nhuận và vốn chủ sở hữu ở một số ngân hàng giúp cho chỉ số P/B forward ở mức thấp
- Sự thay đổi về chính sách điều hành của Ngân hàng Nhà nước khi giao chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng của cả năm 2024 ngay từ thời điểm đầu năm giúp các ngân hàng chủ động và linh hoạt hơn trong hoạt động giải ngân
- Mặt bằng lãi suất huy động tiếp tục giảm và duy trì ở mức thấp nhất từ trước tới nay. Trong tháng 1/2024, lãi suất huy động 12 tháng trung bình đạt 5,06%, tiếp tục giảm thêm 19 điểm cơ bản (bps) so với tháng trước. Như vậy, so với cùng kỳ năm 2023, lãi suất huy động đã giảm tới 343 bps. Đây là mức lãi suất tiết kiệm thấp nhất từ trước tới nay, thấp hơn nhiều so với mức thấp nhất trong giai đoạn dịch Covid-19 (5,77%).
- Lợi nhuận trước thuế năm 2024 của các ngân hàng thuộc phạm vi nghiên cứu ước đạt mức tăng 15,4% YoY (*tốt hơn so với mức tăng 4,6% YoY trong năm 2023*) nhờ vào chi phí vốn đã giảm về mức thấp hơn nhiều so với 2023 và lợi nhuận trước dự phòng có sự cải thiện giúp các ngân hàng có dư địa để tạo một bộ đệm dự phòng tốt hơn.

DANH MỤC ĐẦU TƯ QUỸ (%NAV)

STT	Mã	Tên công ty	Tỷ trọng (%)	Vốn hóa (triệu VND)	FOL	ROA (%)	ROE (%)	YTD 2024 (%)	P/E	P/B	CTR MTD
1	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	14.70	153,918,118	2%	1.39	8.68	1.04%	13.00	1.12	0.16
2	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	13.44	56,367,950	6%	1.22	18.30	6.98%	7.29	1.23	0.93
3	SSI	Công ty cổ phần Chứng khoán SSI	10.35	51,570,370	57%	3.78	10.11	4.88%	22.90	2.27	0.51
4	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	10.24	121,702,749	0%	2.33	14.84	8.65%	6.72	0.93	0.86
5	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	7.95	100,014,297	0%	2.42	24.80	7.74%	6.34	1.43	0.61
6	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	7.90	113,406,328	0%	2.47	24.51	16.62%	5.51	1.23	1.19
7	SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	5.42	41,979,262	25%	1.26	16.10	7.41%	5.55	0.83	0.41
8	VND	CTCP Chứng khoán VNDIRECT	5.27	26,548,999	78%	5.02	13.05	-2.02%	13.18	1.62	(0.11)
9	EIB	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	4.16	32,641,240	27%	1.12	10.09	2.18%	14.83	1.43	0.10
10	VCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	3.48	494,634,577	6%	1.81	21.73	10.21%	15.16	2.97	0.35
11	LPB	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	3.46	45,141,930	3%	1.57	19.16	12.06%	7.64	1.35	0.39
12	HDB	Ngân hàng Phát triển TP HCM	2.31	63,057,603	0%	1.98	24.74	7.39%	6.30	1.43	0.16
13	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	2.27	169,691,739	3%	1.04	17.08	16.61%	8.23	1.35	0.34
14	TPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	2.06	39,299,185	0%	1.30	13.74	2.59%	8.68	1.18	0.06
15	VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	1.86	52,638,756	0%	2.28	23.95	8.92%	6.10	1.36	0.17
16	VCI	CTCP Chứng khoán Bản Việt	1.51	18,768,750	77%	3.12	7.09	0.35%	39.11	2.61	-
17	MSB	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	1.34	27,200,000	0%	1.94	16.03	4.62%	5.84	0.87	0.06
18	HCM	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	0.94	19,991,543	4%	4.04	8.32	11.54%	26.21	2.13	0.07
19	SSB	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	0.64	57,151,530	5%	1.48	13.01	-4.18%	15.10	1.85	(0.03)
20	BID	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	0.38	271,910,792	13%	0.97	19.83	9.91%	12.41	2.27	0.04
21	OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	0.31	30,514,141	0%	2.21	17.32	11.65%	7.18	1.06	0.03

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI (SSIAM). Tài liệu này chỉ mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của SSIAM. SSIAM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

Tài liệu này không nên được sử dụng cho mục đích ghi nhận kế toán, thuế hay để đưa ra các quyết định đầu tư. Nhà Đầu Tư nên chú ý rằng kết quả hoạt động trong quá khứ không hàm ý đảm bảo cho kết quả hoạt động của Quỹ trong tương lai. Giá trị của một chứng chỉ quỹ và thu nhập của Quỹ có thể tăng hoặc giảm nên không thể được bảo đảm bởi Công Ty Quản Lý Quỹ. Trường hợp Nhà Đầu Tư nghi ngờ về quyết định đầu tư của mình thì nên tìm hiểu thêm thông tin hoặc tham khảo ý kiến chuyên gia để có quyết định đầu tư thích hợp.

GIẢI THƯỞNG



TẠP CHÍ ALPHA SOUTHEAST ASIA

- “Công ty Quản lý Quỹ và Tài sản tốt nhất Việt Nam” năm 2020, 2021, 2022, 2023
- “Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam cho các Danh mục Bảo hiểm và Chương trình Hưu trí Tư nhân” năm 2020, 2021, 2023
- “Nhà Quản lý Quỹ tốt nhất (Quỹ Cân Bằng)” năm 2021

TẠP CHÍ THE ASSET

- “Công ty Quản lý Quỹ của Năm” năm 2012, 2014, 2021, 2022, 2023
- “Công ty Quản lý Quỹ nội địa của Năm” năm 2015, 2016, 2017, 2018
- “Nhà Cung cấp ETF của Năm” 2021

TẠP CHÍ ASIANINVESTOR

- “Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam” năm 2010
- “Công ty Quản lý Quỹ nội địa tốt nhất Việt Nam” năm 2015, 2016, 2017, 2018
- “Hoạt động Phát triển Kinh doanh Tốt Nhất” năm 2022

TẠP CHÍ ASIA ASSET MANAGEMENT

- “Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam” năm 2012, 2013, 2016
- “Tổng Giám đốc của Năm” năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2020, 2022
- “Giám đốc Đầu Tư của Năm” năm 2013, 2014, 2015
- “Quỹ mới của Năm” 2020

THÔNG TIN LIÊN HỆ

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ SSI (SSIAM)

ÔNG. HỒ MINH TRÍ
Giám đốc phát triển kinh doanh

T: (+84) 28 3824 2897 ext 1628
M: (+84) 90 888 9669
E: trihm@ssi.com.vn

ÔNG. NGUYỄN KỲ MINH
Giám đốc đầu tư

T: (+84) 24 3936 6321 ext 1637
E: minhnk@ssi.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI (SSI)

ÔNG. NGUYỄN ANH ĐỨC
Giám đốc khối Phát triển khách hàng tổ chức

M: (+84) 979 585658
E: ducna1@ssi.com.vn